



1-22

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị và phát triển sản phẩm mới

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	22	7,5	01	86	lẻ
2	000002	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	21	8,5	01	tr	Chẵn
3	000003	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	20	7,0	01	Anh	lẻ
4	000004	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	19	7,5	01	ch	Chẵn
5	000005	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	18	2,5	03	sel	HP lẻ
6	000006	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	17	7,0	01	Anh	Chẵn
7	000007	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	16	5,0	01	29	lẻ
8	000008	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	15	6,8	01	Anh	HP Chẵn
9	000009	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01					HP,ĐK
10	000010	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01					Vấn
11	000011	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	14	7,0	01	2	HP lẻ
12	000012	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	13	6,0	01	Anh	HP Chẵn
13	000013	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP,ĐK
14	000014	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	12	6,0	01	Bích	HP Chẵn
15	000015	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	11	6,5	01	Bình	lẻ
16	000016	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	10	5,0	01	Đặng	Chẵn
17	000017	1101030340	Vũ Tiên	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	9	8,5	01	Đạt	lẻ
18	000018	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	8	5,0	01	Đạt	HP Chẵn
19	000019	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	7	9,0	01	Duyên	lẻ
20	000020	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	6	6,5	01	10/Đạt	HP Chẵn
21	000021	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	5	8,0	01	Hà	lẻ
22	000022	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	4	4,3	01	Hải	Chẵn
23	000023	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	3	6,5	01	Hằng	lẻ
24	000024	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	2	8,5	01	Hiền	Chẵn
25	000025	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	1	6,3	01	Hiền	lẻ

Ngày ... tháng ... Năm 2026

Tổng số sinh viên dự thi:.....22

Tổng số tờ giấy thi:.....22

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đào T. Hồng Quỳnh Tô Xuân Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Quản trị và phát triển sản phẩm mới

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000026	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	23	5,0	01	Hiệp	Chấn
2	000027	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	24	9,0	01	Hiếu	le'
3	000028	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	25	6,0	01	Hoa	chấn.
4	000029	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	26	7,0	01	Hoàng	HP le'
5	000030	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	27	5,5	01	Hồng	Chấn
6	000031	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	28	5,5	01	Khánh	le'
7	000032	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	29	8,5	01	Lan	HP Chấn
8	000033	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	30	8,0	01	Linh	le'
9	000034	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	01	31	4,5	01	Linh	Chấn
10	000035	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	32	5,8	01	Linh	HP le'
11	000036	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	33	7,5	01	Long	Chấn
12	000037	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	34	5,0	01	Ly	le'
13	000038	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	35	5,5	01	Mai	HP Chấn
14	000039	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01					HP,ĐK
15	000040	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	36	5,5	01	Nga	Chấn
16	000041	1101030650	Bùi Thảo	Nguyễn	09/10/2005	QM11A	01	37	7,5	01	Nguyễn	le'
17	000042	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	38	7,0	01	Nhung	Chấn
18	000043	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	39	7,5	01	Oanh	le'
19	000044	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	40	6,0	01	Phuong	Chấn
20	000045	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	41	8,0	01	Anh	le'
21	000046	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	42	5,0	01	Quỳnh	Chấn
22	000047	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	01	43	7,5	01	Chiến	le'
23	000048	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	44	5,0	01	Thảo	Chấn
24	000049	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	45	8,5	01	Thịnh	le'
25	000050	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	46	5,0	01	Thư	Chấn
26	000051	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	47	9,0	01	Thúy	le'
27	000052	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	48	6,0	01	Trà	HP Chấn
28	000053	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	49	8,0	01	Trang	le'
29	000054	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01					HP,ĐK
30	000055	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	50	7,5	01	Tùng	HP le'
31	000056	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	51	9,0	01	Tùng	Chấn
32	000057	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	52	9,0	01	Yến	le'
33	000058	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01	53	7,5	01	Yến	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....
 Tổng số tờ giấy thi: 31.....
 Tổng số biên bản: 0.....

Ngày ... tháng ... Năm ... 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hồng Hoàng Thu Ngân